

Tác động của thương mại đến tăng trưởng kinh tế

PHẠM SỸ AN

Nhiệt Nam đã và đang tiếp tục hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu thông qua các kênh hội nhập khác nhau nhằm tận dụng cơ hội mà thương mại toàn cầu đem lại. Để có thể tận dụng tối đa cơ hội từ hội nhập, các nhà hoạch định chính sách cần phải hiểu được các kênh hay cách thức mà thương mại tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế, để từ đó thiết kế các chính sách tốt hơn nhằm tối đa hóa lợi ích từ hội nhập. Bài viết phân tích các kênh mà thương mại tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế và đưa ra những gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Từ khóa: thương mại, tác động của thương mại, tăng trưởng kinh tế.

1. Thương mại tác động đến tăng trưởng thông qua tổng cầu

Thirlwal (1979) cho rằng tổng cầu, đặc biệt là thương mại quốc tế là động lực chính thúc đẩy hoặc ràng buộc tăng trưởng. Lập luận của Thirlwal như sau: tổng cầu hay tổng thu nhập là một hàm của tiêu dùng (bao gồm tiêu dùng hàng hóa sản xuất trong nước và nước ngoài), đầu tư (gồm có đầu tư vào các hàng hóa trong nước và nước ngoài), chi tiêu chính phủ (gồm cả chi tiêu vào hàng hóa trong nước và nước ngoài) và xuất khẩu; để thúc đẩy tổng cầu, chúng ta có thể thúc đẩy một trong các nhân tố của tổng cầu. Tuy nhiên, nếu xuất khẩu bằng không (ở đây xét một giá sử cực đoan nhất) và không có dòng vốn chảy vào nền kinh tế (thông qua vay nợ, qua kiều hối, qua đầu tư gián tiếp nước ngoài, qua thu nhập của người lao động nước ngoài chuyển về) thì các phần tử của tổng cầu như tiêu dùng, đầu tư và chi tiêu chính phủ sẽ bị kìm hãm và do đó sẽ làm cho tốc độ tăng trưởng suy giảm.

Chúng ta có thể nói lòng già sử này bằng cách cho xuất khẩu tăng nhưng tăng chậm hơn nhập khẩu (như trường hợp của Việt Nam trong một thời gian dài trước đây), khi đó nền kinh tế luôn thâm hụt cán cân thương mại. Trong khi cán cân thương mại chiếm một tỷ trọng lớn trong cán cân vãng lai, thâm hụt cán cân thương mại cũng thường dẫn đến thâm hụt cán cân vãng lai. Do đó, thâm hụt này chỉ có thể được bù đắp bởi thặng dư từ tài khoản vốn và một phần từ vay nợ nước

ngoài. Dòng vốn nước ngoài vào nền kinh tế sẽ được sử dụng để nhập khẩu máy móc trang thiết bị và nguyên nhiên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất và cho tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, nếu cán cân thương mại thâm hụt triền miên, nợ nước ngoài sẽ tiếp tục gia tăng và đến một ngưỡng nào đó, các chủ nợ sẽ lo ngại rủi ro trong cán cân vốn, đồng thời lo ngại về khả năng trả nợ của nước đi vay và sẽ không tiếp tục cho vay nữa. Cộng với những khoản ngoại tệ dành cho việc trả lãi và trả lại nợ, số ngoại tệ sử dụng để nhập khẩu máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu cho hoạt động sản xuất sẽ giảm và do đó sẽ làm cho tốc độ tăng trưởng giảm.

Đây có lẽ chỉ là một kênh trực tiếp mà hoạt động ngoại thương tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế. Các tác động gián tiếp gồm có, khi hoạt động thương mại gia tăng, sức ép cạnh tranh trong nền kinh tế tăng, dẫn đến việc cải tiến công nghệ, cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến phương thức sản xuất và phương thức quản lý... do đó làm cho năng suất của nền kinh tế tăng. Hơn nữa, xuất khẩu tăng còn làm tăng quy mô sản xuất của nền kinh tế và khi nền kinh tế đã đạt đến điểm mang tính quy mô của sản

Phạm Sỹ An, ThS., Viện Kinh tế Việt Nam.

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II4.1-2013.39.

xuất, nó sẽ làm giảm chi phí sản xuất. Khi quy mô sản xuất cho một hay một số sản phẩm (nhất là sản phẩm công nghiệp) tăng, nó sẽ tạo ra những khu công nghiệp hay một vùng địa lý tương đồng nhau trong việc sản xuất loại hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu. Từ đây sẽ dẫn đến năng suất gia tăng. Như vậy, cách tiếp cận tăng trưởng từ hoạt động ngoại thương không chỉ tác động trực tiếp thông qua tổng cầu mà còn có tác động gián tiếp thông qua tổng cung như tác động đến năng suất các nhân tố tổng hợp. Các kênh này sẽ được thể hiện chi tiết hơn ở phần dưới. Bên cạnh đó, thương mại tăng cũng làm tăng đầu tư qua việc mở rộng sản xuất và cơ hội sản xuất kinh doanh, từ đó làm tăng vốn và tác động trực tiếp đến tăng trưởng của nền kinh tế.

Các nghiên cứu quốc tế về tác động của thương mại đến tăng trưởng khá nhiều và đa dạng. Các nghiên cứu của Thirlwall (1994, 1997, 2002) cho rằng: xuất khẩu tác động rất mạnh đến tăng trưởng, vì xuất khẩu không chỉ tác động trực tiếp đến tổng cầu mà nó còn tác động gián tiếp thông qua những thành phần khác của tổng cầu. Nhập khẩu phần lớn được tài trợ bởi xuất khẩu và tiêu dùng, đầu tư cũng được hỗ trợ phần nào bởi xuất khẩu. Bên cạnh đó, những loại công nghệ (máy móc, trang thiết bị) không thể được sản xuất trong nước nhưng lại đóng vai trò lớn trong hoạt động sản xuất chỉ có thể có được thông qua nhập khẩu. Hay nguyên vật liệu nhập khẩu cũng là một đầu vào rất quan trọng cho hoạt động sản xuất.

Phạm Sỹ An (2006) sử dụng mô hình tăng trưởng kinh tế ràng buộc bởi cán cân thanh toán cho trường hợp của Việt Nam minh chứng rằng: tăng trưởng kinh tế của Việt Nam bị ràng buộc bởi cán cân thanh toán.

Trong những năm vừa qua và sắp tới, thúc đẩy tăng trưởng luôn chịu một nghịch lý là cán cân thương mại thâm hụt, cán cân thương mại thâm hụt phần nào được bù đắp bởi vay nợ nước ngoài. Nhưng nợ nước ngoài của nước ta đang gia tăng và gây nên những

quan ngại (cho dù theo số liệu chính thức thì nợ nước ngoài vẫn nằm trong giới hạn), vì vậy, tăng trưởng kinh tế luôn chịu ràng buộc bởi hoạt động thương mại, hay nói cách khác, thương mại có tác động đến tăng trưởng thông qua tổng cầu của nền kinh tế.

2. Thương mại tác động đến tăng trưởng thông qua tính kinh tế theo quy mô

Thương mại là con đường để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, vì thế mở cửa nền kinh tế sẽ làm tăng cầu hàng hóa, dẫn đến mở rộng hoạt động sản xuất, tăng khả năng đạt được tính kinh tế theo quy mô, dễ dàng làm hình thành các khu/cụm công nghiệp, chế xuất. Một khi đã hình thành nên các khu vực tập trung với mật độ cao các doanh nghiệp trong cùng một ngành thì sẽ làm tăng tính lan tỏa của công nghệ do đó làm tăng năng suất tổng thể của nền kinh tế.

Mô hình tăng trưởng nội sinh cho rằng mở cửa nền kinh tế có thể thúc đẩy tăng trưởng dài hạn theo nhiều cách thức khác nhau. Các mô hình nhấn mạnh đến sự phân tán về công nghệ (diffusion of technology) như động lực của tăng trưởng dài hạn, có thể được xây dựng để dự đoán rằng những quốc gia mở cửa lớn hơn sẽ có tỷ lệ tăng trưởng trạng thái dừng cao hơn (Grossman và Helpman, 1991). Những lập luận trước đó cho rằng mở cửa thương mại có thể cho phép chuyên môn hóa trong những ngành công nghiệp có tính kinh tế theo quy mô và nhờ đó tăng tăng trưởng dài hạn cùng một loại với các lập luận này.

Kể từ khi mở cửa đến nay, nền kinh tế nước ta đã hình thành nên rất nhiều các khu chế xuất, cụm công nghiệp; đồng thời đó là các doanh nghiệp FDI vào nền kinh tế. Tuy nhiên, hiệu ứng lan tỏa công nghệ hay học tập thông qua làm từ các doanh nghiệp FDI đến các doanh nghiệp nội địa còn rất thấp. Điều này một phần do ngành công nghiệp phụ trợ nước ta chậm phát triển vì thế không tận dụng được cơ hội các doanh nghiệp FDI vào nền kinh tế, phần khác là do khoảng cách khá lớn về trình độ phát triển công nghệ

giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước đã ngăn cản quá trình phân tán công nghệ và quá trình học tập thông qua làm.

3. Thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua sức ép cạnh tranh

Mở cửa nền kinh tế cũng đồng nghĩa với việc hạ thấp các hàng rào thuế quan và phi thuế quan cho các hàng hóa và dịch vụ nước ngoài bán tại thị trường nội địa. Hơn nữa, trong các FTA thế hệ mới, mở cửa nền kinh tế không chỉ liên quan đến thương mại hàng hóa, dịch vụ, mà còn liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh. Như vậy, mở cửa và hội nhập sẽ làm cho quá trình cạnh tranh hàng hóa, cạnh tranh nguồn lực sản xuất gay gắt hơn. Cạnh tranh sẽ làm cho các doanh nghiệp trong nước phải thay đổi cách thức quản lý, cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và tối thiểu hóa chi phí, từ đó giúp cho nguồn lực phân bổ tốt hơn, nâng cao năng suất và tăng trưởng của nền kinh tế.

4. Thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua thể chế

Mở cửa, tham gia các hiệp định thương mại sẽ đòi hỏi một quốc gia phải tuân thủ các luật chơi theo hướng minh bạch hơn, ứng xử với các thành phần kinh tế bình đẳng hơn, có trách nhiệm giải trình tốt hơn và nỗ lực hơn trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Rodrik (2000) khẳng định rằng đổi mới chính sách thương mại cũng là đổi mới thể chế. Theo nhà nghiên cứu này, những nhà lập chính sách có quan điểm khác (so với các nhà nghiên cứu) về cải cách thương mại. Các thay đổi trên thực tế về biểu thuế thương mại chỉ là một phần rất nhỏ của quá trình cải cách. Mục tiêu của sự chuyển dịch sâu hơn là thay đổi hành vi trong lĩnh vực công và sự chuyển dịch triệt để hơn về mối quan hệ của chính phủ với khu vực tư nhân và phần còn lại của thể giới. Cải cách đã vượt khỏi phạm vi mức thuế thương mại hay các rào cản định lượng khác. Cải cách thiết lập những quy tắc mới và những kỳ vọng mới

liên quan đến cách thức như: các lựa chọn chính sách được thiết kế và thực hiện, thiết lập nên những ràng buộc và cơ hội mới cho chính sách kinh tế rộng lớn hơn, tạo ra một tập hợp mới những người được hưởng lợi và tước đi lợi ích của những người trước đây và đưa ra một triết lý mới về chính sách phát triển. Do đó, cải cách thương mại không chỉ đơn thuần là việc thay đổi giá tương đối (thông qua thay đổi thuế quan và các rào cản định lượng), nó là những cải cách thể chế liên quan đến các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế.

Rodrik nhấn mạnh đến 5 loại thể chế hỗ trợ thị trường và do đó là hỗ trợ cho thương mại quốc tế, đó là: các thể chế đảm bảo quyền sở hữu tài sản, các thể chế điều tiết, các thể chế đảm bảo cho ổn định kinh tế vĩ mô, các thể chế cho mạng lưới an sinh xã hội và các thể chế quản lý xung đột. Như vậy, nhìn ở dưới góc độ hẹp, giảm thuế hay các rào cản định lượng khác có thể thúc đẩy tăng trưởng, nhưng chính sách cải cách thể chế như là điều kiện để cải cách thương mại mới là nhân tố quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng. Việc tách nhân tố thương mại để xem xét tác động đến tăng trưởng đôi khi là không đủ vì cải cách thương mại luôn đi kèm với các cải cách thể chế ở trong nước.

Tác giả cho rằng việc đánh giá tác động của độ mở thương mại đến tăng trưởng chỉ đem lại kết quả khá khiêm tốn, nhưng nếu xem xét cải cách thể chế như là một điều kiện để một quốc gia tiến hành mở cửa thương mại thì tác động của mở cửa thương mại đến tăng trưởng là rất lớn. Điều này là bằng chứng thực nghiệm rõ ràng cho thấy những nước tiến hành mở cửa thương mại cũng là những nước có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, bên cạnh đó công cuộc xóa đói giảm nghèo cũng thu được nhiều kết quả rất tích cực.

Berg và Krueger (2003) cũng đồng quan điểm và cho rằng mặc dù thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng, nhưng việc tách bạch giữa tác động của thương mại đơn

thuần và các đổi mới chính sách liên quan đến mở cửa thương mại đến tăng trưởng là không hề dễ dàng. Mở cửa thương mại là nhân tố quan trọng dẫn đến sự thay đổi trong thể chế và môi trường kinh doanh của một quốc gia, bởi vì các quốc gia phải thay đổi thể chế và môi trường kinh doanh cho phù hợp và thích ứng trước áp lực cạnh tranh gia tăng khi mở cửa nền kinh tế.

Tham gia các FTA hay các hiệp định thương mại đa phương, khu vực hay song phương đòi hỏi nước ta phải tuân thủ luật chơi, tuân thủ những cam kết đã đưa ra. Trong những năm qua, Việt Nam đã liên tục hoàn thiện thể chế nhằm đáp ứng cam kết trong các FTA. Tuy nhiên, những thay đổi thể chế diễn ra chưa tương xứng với đòi hỏi của phát triển, chưa tạo ra các xung lực để thúc đẩy tinh thần doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Thay đổi thể chế vẫn mang tính bị động, nghĩa là tuân thủ các cam kết và chưa chủ động điều chỉnh thể chế để giúp nền kinh tế hội nhập nhanh và thành công vào nền kinh tế thế giới.

5. Thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua lan tỏa công nghệ

Thương mại bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu. Theo nhiều nghiên cứu, nhập

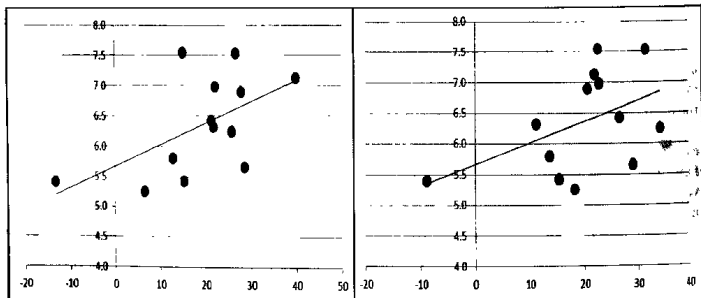
khẩu công nghệ hiện đại vào nền kinh tế có tác động tích cực tương tự như xuất khẩu.

Frankel, Romer, và Cyrus (1996) phân tích tác động của thương mại đến tăng trưởng tại một số nước Đông Á. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tăng trưởng tại các nước Đông Á thuộc loại tăng trưởng được dẫn dắt bởi thương mại (trade-led growth); thương mại ở đây được đo bằng hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu và theo Grossman và Helpman (1991a, b), lan tỏa của công nghệ có thể thông qua nhập khẩu cũng dễ dàng như xuất khẩu. Vì thế tìm đổi tác động thương mại (song phương hay đa phương, khu vực) có thể bổ sung cho công nghệ còn thiếu trong nước là rất cần thiết.

6. Phân tích các kênh tác động cho nền kinh tế Việt Nam

Từ những liệt kê trên, có 5 kênh truyền dẫn chính mà thương mại quốc tế có thể tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế, gồm: (i) thương mại tác động đến tăng trưởng thông qua tổng cầu; (ii) thương mại tác động đến tăng trưởng thông qua tính kinh tế theo quy mô; (iii) thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua sức ép cạnh tranh; (iv) thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua thể chế; (v) thương mại tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua lan tỏa công nghệ.

HÌNH 1: Các kênh truyền dẫn từ thương mại quốc tế đến tăng trưởng



Xuất khẩu và nhập khẩu đều có những tác động đến tăng trưởng của nền kinh tế.

Thứ nhất, xuất khẩu và nhập khẩu tác động trực tiếp đến tăng trưởng thông qua tổng cầu của nền kinh tế. Xuất khẩu và nhập khẩu tăng sẽ làm tăng GDP. Điều này được thể hiện trong hình 2 và hình 3: tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu có tương quan dương đến tăng trưởng của nền kinh tế. Lưu ý rằng: tương quan không hàm ý quan hệ nhân quả. Xuất khẩu có thể dẫn đến tăng trưởng nhưng nhập khẩu không có nghĩa dẫn đến tăng trưởng.

Thứ hai, xuất khẩu có tác động trực tiếp và gián tiếp đến tăng trưởng. Kênh tác động gián tiếp của xuất khẩu đến tăng trưởng là thông qua mở rộng quy mô sản xuất, làm tăng khả năng tăng năng suất thông qua tính kinh tế của quy mô.

Các nhóm hàng xuất khẩu chính của nước ta gồm có các mặt hàng nông nghiệp, khai thác tài nguyên thiên nhiên và gia công lắp ráp các mặt hàng công nghiệp, may mặc.

Các mặt hàng nông nghiệp hay khai thác tài nguyên để xuất khẩu, cho dù có mở rộng quy mô cũng đem lại rất ít lợi ích từ tính kinh tế theo quy mô. Ngược lại, càng mở rộng khai thác thô các sản phẩm nông nghiệp và tài nguyên thì càng có khả năng gặp phải hiện tượng lợi tức giảm dần theo quy mô. Vì thế, tác động của xuất khẩu lên nền kinh tế nước ta chỉ đem lại những lợi ích trước mắt, ngắn hạn như tạo công ăn việc làm hay thu nhập cho người lao động, mà chưa có được những tác động dài hạn, những tác động tích cực bền vững lên nền kinh tế.

Xuất khẩu các mặt hàng gia công, lắp ráp đem lại những lợi ích lớn hơn cho nền kinh tế, như thu nhập và công nghệ, tuy

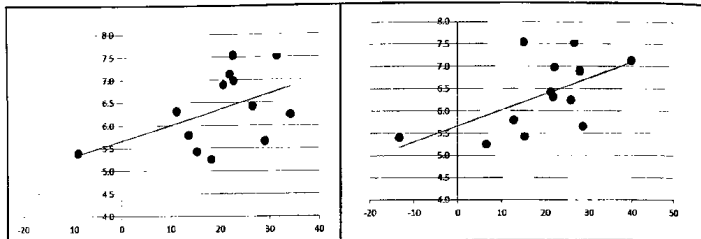
nhưng những lợi ích này tương đối nhỏ bé nếu so với những ưu đãi mà các nhà đầu tư nước ngoài nhận được trong nhiều năm qua và kỳ vọng của Chính phủ khi kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài vào nước ta.

Một là, mức độ kết nối giữa các doanh nghiệp nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước là rất thấp, vì thế hạn chế khả năng chuyển giao công nghệ và độ lan tỏa của công nghệ. Các doanh nghiệp nước ngoài vào nước ta thường đi theo nhóm, các doanh nghiệp FDI cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp FDI khác. Có nhiều nguyên nhân giải thích cho hiện tượng này, mà một trong số đó là do khoảng cách về trình độ công nghệ giữa các doanh nghiệp nội và các doanh nghiệp FDI là tương đối lớn, do đó các doanh nghiệp FDI gặp rất nhiều khó khăn khi kết nối với các doanh nghiệp nội địa. Cùng với đó là sự thiếu vắng ngành công nghiệp phụ trợ cũng làm hạn chế rất nhiều mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp nội.

Hai là, nền kinh tế nước ta hưởng lợi từ các doanh nghiệp FDI chủ yếu là thông qua lao động và thu thuế, nhưng thu thuế cũng không đáng kể nếu so với các ưu đãi và thu nhập của lao động trong các công ty FDI cũng chưa phải là cao, nhất là lao động trong các ngành dệt may, giày dép... Bên cạnh đó, vì gia công, lắp ráp nên lao động không đòi hỏi nhiều kỹ năng mà chủ yếu là "chân tay" – lao động ít kỹ năng, do đó khi lao động rời khỏi các công ty FDI hay các công ty FDI rút khỏi nước, thì các kỹ năng tích lũy trong quá trình làm việc tại công ty FDI cũng không còn nữa.

Thực trạng trên cho thấy, xuất khẩu của nước ta không đem lại những tác động lớn cho tăng trưởng trong dài hạn mà chủ yếu có tác động trong ngắn hạn.

HÌNH 2: Tăng trưởng GDP và xuất khẩu, (%) HÌNH 3: Tăng trưởng GDP và nhập khẩu, (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Thứ ba, nhập khẩu của nền kinh tế nước ta thường được coi là biến nội sinh của nền kinh tế, nghĩa là khi nền kinh tế mở rộng, nhập khẩu gia tăng và khi nền kinh tế thu hẹp, nhập khẩu giảm.

Như trên đã đề cập, nhập khẩu có vai trò quan trọng không kém gì xuất khẩu. Nhập khẩu công nghệ cao làm tăng năng suất của nền kinh tế để từ đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên, trên thực tế, một phần đáng kể nhập khẩu công nghệ của nước ta là từ Trung Quốc, nên các công nghệ nhập khẩu tương đối lạc hậu, tiêu hao năng lượng và gây ra ô nhiễm môi trường. Điều này không phải do phía Trung Quốc mà chủ yếu do cơ chế chính sách và các doanh nghiệp của nước ta.

Thương mại cũng có thể tác động đến tăng trưởng thông qua việc thay đổi các thể chế trong nước. Trước gia nhập WTO, nước ta có tốc độ hoàn thiện các cơ chế, chính sách rất nhanh chóng, nhằm đáp ứng các cam kết của hội nhập. Thế nhưng, đáp ứng các cam kết về mặt luật, hành chính hay giấy tờ chưa đủ mà để nền kinh tế có thể chuyển đổi theo những thay đổi thể chế thì cần phải có chuyển đổi thể chế trong thực tế. Khoảng cách giữa thực hiện cam kết theo hình thức và trên thực tế là rất lớn; chỉ có thể được lấp đầy khoảng cách này bằng quyết tâm và trách nhiệm của các nhà hoạch định chính sách ở trung ương và địa phương.

7. Gợi ý chính sách

Có thể nói, nước ta là một trong số các nước trong thời gian gần đây ký kết các FTA nhiều nhất, vì thế để có thể tận dụng các FTA phục vụ cho quá trình phát triển, các nhà hoạch định chính sách cần phải hiểu các kênh tác động của thương mại đến tăng trưởng của nền kinh tế. Có những kênh mà thương mại tác động trực tiếp nhưng có những kênh tác động gián tiếp và như các phân tích cho thấy, các tác động gián tiếp đòi hỏi rất quan trọng đến tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. Từ các phân tích trên, một số gợi ý mở chính sách được rút ra như sau:

Thứ nhất, thay đổi cấu trúc xuất khẩu hàng hóa và chuyển đổi mô hình sản xuất để sao cho giảm bớt xuất khẩu dựa vào các mặt hàng thô, tài nguyên thiên nhiên, các mặt hàng nông nghiệp và các mặt hàng gia công, lắp ráp có giá trị gia tăng thấp. Bên cạnh đó, cũng cần chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng sản xuất phục vụ cho xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu các đầu vào (nguyên phụ liệu, máy móc, công nghệ).

Thứ hai, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ trong nước để phát huy tối đa cơ hội các doanh nghiệp FDI vào nền kinh tế. Bên cạnh đó, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Giáo dục và đào tạo cùng với Bộ Lao động, thương binh và xã hội cần có những chương trình, dự

án hỗ trợ mang tính hệ thống và dài hạn nhằm vào R&D và nguồn nhân lực chất lượng cao; bởi lẽ nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống doanh nghiệp được trang bị công nghệ tốt sẽ làm tăng khả năng chuyển giao công nghệ và thúc đẩy tối đa quá trình học hỏi thông qua làm việc.

Thứ ba, đổi mới thể chế theo các cam kết trong các FTA là điều bắt buộc, phải được coi là cơ sở nền tảng để từ đó Chính phủ thiết kế các chính sách phát triển khác. Tuy nhiên, trên thực tế, có một khoảng cách giữa các cam kết và triển khai trong thực tiễn vì quá trình giám sát không phải luôn hoàn hảo. Khoảng cách này chỉ có thể được lấp đầy bởi quyết tâm và trách nhiệm của Chính phủ các nước nói chung và nước ta nói riêng.

Trong những năm qua, Việt Nam tham gia rất nhiều các FTA, vì thế chỉ cần rà soát các quy định và thực hiện theo các cam kết nhằm hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đã là rất tốt.

Thứ tư, để nâng cao công nghệ nhập khẩu hiện đại và giảm thiểu những công nghệ lạc hậu, tiêu hao năng lượng và gây ô nhiễm môi trường, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Khoa học và công nghệ kết hợp với Bộ Công thương cần đưa ra các tiêu chí hay giải pháp nhằm hạn chế các công nghệ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ năm, chuyển đổi mô hình tăng trưởng không chỉ hướng vào 3 trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế như đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước hay các ngân hàng thương mại, mà còn chuyển đổi mô hình sản xuất trong khu vực nông nghiệp và khai thác tài nguyên

theo hướng: tăng hàm lượng chế biến trong xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp và giảm khai thác tài nguyên thiên nhiên./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berg A. và Krueger A. (2003), Trade, Growth, and Poverty: A Selective Survey, WP/03/30, IMF Working Paper, International Monetary Fund.
2. Thirlwall A.P. (1979), 'The Balance of Payments Constrain as an Explanation of International Growth Rate Differences,' *Banca Nazionale del Lavoro Quarterly Review* 128, 791: 45-53.
3. Thirlwall A. P. (1994), Growth and Development with Special Reference to Developing Economies, (5th edn), MacMillan Press Ltd, Hong Kong.
4. Thirlwall A. P. (2002), *The Nature of Economic Growth: An Alternative Framework for Understanding the Performance of Nations*, Edward Elgar, UK.
5. Thirlwall A. P. (2000), Trade, Trade Liberalization and Economic Growth: Theory and Evidence, Economic Research Papers No. 63, African Development Bank.
6. Phạm Sỹ An (2006), "Economic growth and balance of payments constraint in Vietnam", *Vietnam Economic Management Review* No 1 & No 2.
7. Lucas R. E. (1988). 'On the Mechanics of Economic Development,' *Journal of Monetary Economics* 22, 1,3-42.
8. Grossman G. and Helpman, E. (1991a), Innovation and Growth in the Global Economy, MIT Press: Cambridge.
9. Grossman G. and Helpman, E. (1991b), "Trade, Knowledge Spillovers, and Growth", *European Economic Review* 35, no. 2-3, April, 517-526.
10. Rodrik D. (2000), Trade Policy Reform as Institutional Reform, Harvard University.
11. Frankel J. A., Romer, D., và Cyrus, T. (1996), Trade and Growth in East Asian Countries: Cause and Effect?, Working Paper 5732, NBER Working Paper Series, National Bureau of Economic Research.